UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 127 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 16 tháng 01 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nhân nữ tỉnh Bình Phước, khóa II, nhiệm kỳ 2012 - 2017

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 11/8/2008 của UBND tỉnh về việc cho phép thành lập Hội Doanh nghiệp nữ tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 17/12/2008 của UBND tỉnh về việc đổi tên Hội Doanh nghiệp nữ tỉnh thành Hội Doanh nhân nữ tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Hội Doanh nhân nữ tỉnh tại Tờ trình số 04/TTr-DNN ngày 01/11/2013 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1956/TTr-SNV ngày 31/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nhân nữ tỉnh đã được Đại hội đại biểu Hội Doanh nhân nữ tỉnh, khóa II, nhiệm kỳ 2012 - 2017 thông qua ngày 16/10/2013.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh, Chủ tịch Hội Doanh nhân nữ tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- CT, PCT;
- Như Điều 2;
- Sở Nội vụ (03 bản);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- LĐVP, Phòng: NC-NgV;
- Lưu: VT(T-QD4-9/1).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trăm

ĐIỀU LỆ

Hội Doanh nhân nữ tỉnh Bình Phước, khóa II, nhiệm kỳ 2012 - 2017

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 127 /QĐ-UBND ngày 16 / 01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chương I
TÊN GỌI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên gọi và trụ sở làm việc:

1. Tên gọi: Hội Doanh nhân nữ tỉnh Bình Phước;

2. Trụ sở làm việc: Tạm thời đặt tại Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh Bình Phước – Quốc lộ 14 – phường Tân Phú - thị xã Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích:

1. Hội Doanh nhân nữ tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tự nguyện thành lập, không vụ lợi của các nhà doanh nhân nữ trên địa bàn tỉnh;

2. Hội có mục đích đoàn kết, tập hợp các doanh nhân nữ trong tỉnh, không phân biệt thành phần kinh tế, xã hội, dân tộc, tôn giáo cùng phấn đấu cho sự nghiệp phát triển bền vững của hội viên, tham gia đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, của đất nước vì mục tiêu *"Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"*.

Điều 3. Địa vị pháp lý và phạm vi hoạt động:

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản riêng theo quy định của Nhà nước. Hội hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ này;

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Kế hoạch và Đầu tư về lĩnh vực Hội hoạt động; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh vì sự phát triển và tiến bộ của phụ nữ.

3. Hội hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động:

Hội hoạt động theo nguyên tắc:

1. Tự nguyện, tự quản và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật;

2. Đoàn kết, tương trợ và hợp tác bình đẳng;

3. Hiệp thương dân chủ và thống nhất hành động;

4. Công khai, minh bạch;

5. Tự chủ về tài chính và không vì mục đích lợi nhuận.

Chương II
QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 5. Quyền hạn:

1. Tuyên truyền mục đích của Hội;

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội;

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật;

4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật;

5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động;

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội;

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật;

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động;

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 6. Nhiệm vụ:

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được UBND tỉnh phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức;

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước;

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội;

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật;

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội;

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật;

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III
HỘI VIÊN

Điều 7. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên:

1. Hội viên chính thức: Là công dân, tổ chức Việt Nam trên địa bàn tỉnh, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh như: Giám đốc, Phó Giám đốc, Chủ Doanh nghiệp, Chủ hộ kinh doanh, phụ nữ tham gia quản lý kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh, tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện gia nhập Hội đều được xét công nhận là hội viên chính thức của Hội;

2. Hội viên danh dự: Là công dân, tổ chức Việt Nam, không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Hội công nhận là hội viên danh dự;

3. Hội viên liên kết: Là những người không đủ điều kiện trở thành hội viên chính thức, nhưng có nhiều đóng góp cho các hoạt động của Hội, tự nguyện tham gia trong một tổ chức của Hội và được Ban Chấp hành Hội chấp thuận.

Điều 8. Quyền của hội viên:

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật;

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức;

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội;

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội;

5. Được giới thiệu hội viên mới;

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội;

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có);

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên;

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên:

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội;

2. Không ngừng nâng cao năng lực trao đổi nghề nghiệp, nâng cao trình độ hiểu biết về kinh doanh;

3. Tuyên truyền, vận động, phổ biến kinh nghiệm, giúp đỡ hội viên khác để cùng phấn đấu phục vụ mục đích của Hội;

4. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh;

5. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản;

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội;

7. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 10. Thủ tục vào Hội, ra Hội:

1. Là công dân Việt Nam, có đủ điều kiện quy định tại Điều 7 của Điều lệ này, có đơn xin gia nhập Hội gửi Ban Chấp hành Hội.

2. Tư cách hội viên sẽ không còn trong các trường hợp sau:

a) Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Hội;

b) Hội viên vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý kỷ luật;

c) Hội viên bị kỷ luật bằng hình thức xóa tên hội viên.

3. Ban Thường vụ quy định cụ thể trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định vào Hội, ra Hội, không công nhận là hội viên của Hội.

Chương IV
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 11. Cơ cấu tổ chức của Hội:

1. Đại hội đại biểu hoặc đại hội toàn thể hội viên;

2. Ban Chấp hành Hội;

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội;

4. Ban Kiểm tra;

5. Văn phòng hội.

Điều 12. Đại hội của Hội:

1. Đại hội toàn thể hội viên hoặc Đại hội đại biểu có quyền lực cao nhất, được tổ chức 05 năm một lần, do Ban Chấp hành đương nhiệm triệu tập. Thành phần, số lượng đại biểu dự Đại hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội có các nhiệm vụ sau:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo của Hội;

b) Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, chương trình hoạt động của Hội và các tổ chức thành viên của Hội (nếu có);

c) Thông qua báo cáo tài chính Hội và Điều lệ Hội;

d) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của Hội;

đ) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

e) Thảo luận và thông qua Nghị quyết của Đại hội;

g) Bầu đại biểu đi dự Đại hội cấp trên (nếu có).

3. Nguyên tắc bầu cử và biểu quyết:

a) Việc bầu cử Ban Chấp hành Hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín;

b) Đại hội biểu quyết theo nguyên tắc đa số đại biểu có mặt;

4. Điều kiện tiến hành Đại hội phải có ít nhất 2/3 số đại biểu được triệu tập có mặt.

Điều 13. Ban Chấp hành Hội:

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa 2 kỳ Đại hội, Ban Chấp hành do Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên bầu ra. Ban Chấp hành Hội họp 06 tháng 01 lần, họp bất thường khi cần thiết (số lượng uỷ viên Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới của Hội do Đại hội quyết định). Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định.

3. Ban Chấp hành Hội có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội;

b) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác, kế hoạch thu chi tài chính hàng năm;

c) Quyết định các vấn đề tổ chức Hội, quyết định bổ sung uỷ viên Ban Chấp hành Hội (số lượng bổ sung uỷ viên Ban Chấp hành không quá 1/3 số uỷ viên do đại hội bầu ra);

d) Bầu ra Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội;

đ) Giám sát công việc của Ban Thường vụ, Ban Thường trực và các tổ chức trực thuộc Hội (nếu có);

e) Triệu tập Đại hội hoặc Hội nghị;

g) Xem xét quyết định tư cách hội viên;

h) Ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành và của Hội; Ban Chấp hành làm việc theo Quy chế và quyết định theo nguyên tắc đa số thành viên dự họp.

Điều 14. Chủ tịch Hội:

1. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu ra bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, là người đại diện cao nhất của Hội trong các quan hệ trong và ngoài tỉnh. Tiêu chuẩn Chủ tịch do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội, Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành Hội;

c) Chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành;

d) Thay mặt Ban Chấp hành ký các văn bản của Hội;

đ) Quyết định thành lập các ban chuyên môn, các tổ chức thuộc Hội để phục vụ cho công tác phát triển Hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành và theo quy định của pháp luật (nếu có);

e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

Điều 15. Phó Chủ tịch Hội:

1. Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu theo đề nghị của Chủ tịch Hội bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành Hội quy định;

2. Phó Chủ tịch có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Hội theo dõi, chỉ đạo các lĩnh vực công tác được phân công và cùng với Chủ tịch liên đới chịu trách nhiệm về hoạt động của Hội và các lĩnh vực công tác được Chủ tịch Hội phân công.

Điều 16. Thư ký Hội:

Thư ký Hội do Ban Chấp hành Hội bầu ra, có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Đại diện và điều hành công việc thường xuyên của Hội theo yêu cầu của Ban Chấp hành và Chủ tịch Hội;

2. Quản lý hồ sơ, tài liệu của Hội;

3. Xây dựng các Quy chế hoạt động của Văn phòng, quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban Chấp hành phê duyệt;

4. Định kỳ báo cáo với Chủ tịch, Ban Chấp hành về các hoạt động của Hội;

5. Soạn thảo các báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành;

6. Quản lý danh sách, hồ sơ và các tài liệu về các tổ chức trực thuộc Hội (nếu có) và hội viên;

7. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và pháp luật về các hoạt động của Văn phòng Hội.

Điều 17. Văn phòng Hội:

1. Văn phòng Hội hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành phê duyệt;

2. Tổ chức bộ máy của Văn phòng Hội do Ban Chấp hành phê duyệt, nhân sự của Văn phòng do Hội đồng tuyển dụng của Hội xét và Chủ tịch Hội phê duyệt;

3. Các nhân viên của Văn phòng phải là người có chuyên môn giỏi, có trách nhiệm cao, tuyển dụng qua sát hạch công khai, làm việc theo hợp đồng;

4. Kinh phí hoạt động hàng năm của Văn phòng do Thư ký dự trù trình Ban Chấp hành phê duyệt và hội nghị toàn thể hàng năm biểu quyết phê chuẩn.

Điều 18. Ban Kiểm tra Hội:

1. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu ra gồm Trưởng Ban và các ủy viên, Ban Kiểm tra chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành, làm việc theo chế độ tập thể. Trưởng Ban Kiểm tra là người chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ban Kiểm tra. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội cùng cấp.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra:

a) Giám sát việc thi hành Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội và Nghị quyết của Ban Chấp hành;

b) Kiểm tra việc thu, chi tài chính, sử dụng tài sản của Hội và tài sản của các tổ chức trong và ngoài tỉnh tài trợ (nếu có);

c) Xem xét và kiến nghị giải quyết, khiếu nại, tố cáo của hội viên, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của hội viên;

d) Kiểm tra việc thi hành kỷ luật của các tổ chức trực thuộc (nếu có);

đ) Thực hiện sự ủy nhiệm của Ban Chấp hành trong việc kiểm tra các uỷ viên Ban Chấp hành cùng cấp;

e) Kiểm tra ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp có sai phạm có đơn thư tố cáo khi được sự ủy nhiệm của Chủ tịch Hội cấp đó;

g) Giải quyết những tố cáo đối với hội viên, xử lý kịp thời sai phạm (nếu có).

Chương V
CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 19. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội:

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, Nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI
TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 20. Tài chính của Hội:

1. Các nguồn thu của Hội gồm:

a) Thu từ các tổ chức trực thuộc Hội (nếu có);

b) Từ ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của pháp luật (nếu có);

c) Hội phí do hội viên đóng;

d) Đóng góp, ủng hộ của hội viên, các thành viên;

đ) Thu từ hoạt động vận động quyên góp, gây quỹ hợp pháp của Hội theo quy định của pháp luật;

e) Tiền và hiện vật ủng hộ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài tỉnh theo quy định của pháp luật (nếu có);

g) Các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi của Hội gồm:

a) Các hoạt động của Hội và cơ quan thường trực Hội;

b) Thông tin tuyên truyền, báo chí, xuất bản;

c) Khen thưởng;

d) Đầu tư, xây dựng, mua sắm, sửa chữa tài sản, cơ sở vật chất của Hội;

đ) Chi hợp pháp khác.

Điều 21. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội:

1. Tài chính, tải sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội;

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật;

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII
KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT

Điều 22. Khen thưởng:

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật;

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 23. Kỷ luật:

1. Tổ chức Hội, hội viên vi phạm Điều lệ, Nghị quyết Đại hội hoặc làm tổn thương đến uy tín, danh dự, tài sản, tài chính của Hội thì tuỳ theo mức độ sai phạm có thể bị phê bình, cảnh cáo, không công nhận là hội viên;

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ:

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội nhất trí thông qua và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 25. Hiệu lực thi hành:

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Hội chưa được quy định trong Điều lệ này thì được căn cứ vào những quy định tại Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác hướng dẫn thi hành;

2. Bản Điều lệ này đã được Đại hội Khoá II, nhiệm kỳ 2012 – 2017, Hội Doanh nhân nữ tỉnh thông qua ngày 16/10/2013 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt;

3. Bản Điều lệ này không còn hiệu lực khi Hội ngừng hoạt động hoặc giải thể;

4. Chủ tịch Hội có trách nhiệm tổ chức triển khai nội dung bản Điều lệ này đến tất cả hội viên của Hội./.